

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TT	Mã người học	Họ và tên	Nợ các kỳ trước (đ)	Phải thu K1/25-26 (đ)	Điều chỉnh ngày 08/12/2025 (đ)	Điều chỉnh ngày 12/02/2026 (đ)	BHYT (đ)	Tổng phải nộp (đ)	Đã nộp (đ)	Chưa nộp (đ)	Dự kiến/Ghi chú
ĐHCQ CÁC CTĐT THU HP THEO ĐMKT KT											
1	24020879	Trần Duy Long	18.585.650	20.000.000			0	38.585.650		38.585.650	Hủy ĐKMH
2	24020914	Ngô Đức Anh	10.760.000	20.000.000			0	30.760.000		30.760.000	Hủy ĐKMH
3	24021045	Lê Anh Tuấn	4.304.000	20.000.000			0	24.304.000		24.304.000	Hủy ĐKMH
4	23021296	Phạm Văn Khánh	0	26.474.000	-3.237.000		0	23.237.000		23.237.000	Hủy ĐKMH
5	24020970	Lê Nhật Hoàng	3.213.650	20.000.000			0	23.213.650		23.213.650	Hủy ĐKMH
6	24020976	Đào Mạnh Hùng	0	20.000.000			0	20.000.000		20.000.000	Hủy ĐKMH
7	24020982	Nguyễn Quốc Huy	0	20.000.000			0	20.000.000		20.000.000	Hủy ĐKMH
8	24021035	Vương Mạnh Tiến	0	20.000.000			631.800	20.631.800	631.800	20.000.000	Hủy ĐKMH
9	24022615	Vũ Đình Bách	0	20.000.000			0	20.000.000		20.000.000	Hủy ĐKMH
10	24020877	Nguyễn Đức Kiên	0	20.000.000			0	20.000.000		20.000.000	Hủy ĐKMH
11	24020713	Tô Văn Cường	0	20.000.000			0	20.000.000		20.000.000	Hủy ĐKMH
12	24021245	Bùi Văn Đại	0	20.000.000			0	20.000.000		20.000.000	Hủy ĐKMH
13	25022619	Dương Đức Tâm	-8.730.250	20.000.000			0	11.269.750		11.269.750	Hủy ĐKMH
14	23021596	Phạm Công Khanh	3.000.000	24.316.000			631.800	27.947.800	23.947.800	4.000.000	Hủy ĐKMH
ĐHCQ CÁC CTĐT CHUẨN											

TT	Mã người học	Họ và tên	Nợ các kỳ trước (đ)	Phải thu K1/25-26 (đ)	Điều chỉnh ngày 08/12/2025 (đ)	Điều chỉnh ngày 12/02/2026 (đ)	BHYT (đ)	Tổng phải nộp (đ)	Đã nộp (đ)	Chưa nộp (đ)	Dự kiến/Ghi chú
1	20020120	Nguyễn Trí Minh Tuấn	18.900.000	9.144.000			0	28.044.000		28.044.000	Hủy ĐKMH
2	20021066	Cao Cự Toàn	22.338.000	3.556.000			0	25.894.000		25.894.000	Hủy ĐKMH
3	23021087	Nguyễn Lưu Anh Dũng	6.098.520	19.772.000			0	25.870.520		25.870.520	Hủy ĐKMH
4	22025189	Vương Trung Kiên	11.412.000	12.863.000			0	24.275.000		24.275.000	Hủy ĐKMH
5	22023182	Nguyễn Tuấn Dương	5.530.000	17.952.000			0	23.482.000		23.482.000	Hủy ĐKMH
6	23020189	Nguyễn Huy Dương	0	20.696.000			0	20.696.000		20.696.000	Hủy ĐKMH
7	23020336	Kiều Quốc Công	0	19.772.000			0	19.772.000		19.772.000	Hủy ĐKMH
8	23021409	Nguyễn Cao Thị Huyền	0	19.772.000			0	19.772.000		19.772.000	Hủy ĐKMH
9	22023130	Tăng Hoàng Tuấn	19.125.000				0	19.125.000		19.125.000	Hủy ĐKMH
10	23021069	Nguyễn Thanh Bình	0	18.848.000			0	18.848.000		18.848.000	Hủy ĐKMH
11	23021085	Đình Hoàng Dũng	0	17.000.000			0	17.000.000		17.000.000	Hủy ĐKMH
12	23020494	Nguyễn Huy Tuấn	0	17.000.000			0	17.000.000		17.000.000	Hủy ĐKMH
13	22025123	Bùi Tuấn Anh	4.815.000	14.096.000			0	18.911.000	2.000.000	16.911.000	Hủy ĐKMH
14	22023128	Lê Huy Cương	3.060.000	13.056.000			0	16.116.000		16.116.000	Hủy ĐKMH
15	21020831	Đậu Mạnh Kiên	8.550.000	6.604.000			0	15.154.000		15.154.000	Hủy ĐKMH
16	22020111	Nguyễn Anh Kiệt	13.515.000				0	13.515.000		13.515.000	Hủy ĐKMH
17	22023134	Nguyễn Hải Long	0	13.056.000			0	13.056.000		13.056.000	Hủy ĐKMH
18	22025208	Hoàng Văn Ngọc	-377.000	13.141.000			0	12.764.000		12.764.000	Hủy ĐKMH
19	21021664	Lục Thành Lương	0	12.700.000			0	12.700.000		12.700.000	Hủy ĐKMH

TT	Mã người học	Họ và tên	Nợ các kỳ trước (đ)	Phải thu K1/25-26 (đ)	Điều chỉnh ngày 08/12/2025 (đ)	Điều chỉnh ngày 12/02/2026 (đ)	BHYT (đ)	Tổng phải nộp (đ)	Đã nộp (đ)	Chưa nộp (đ)	Dự kiến/Ghi chú
20	20021250	Diệp Sơn Nam	11.526.000				0	11.526.000		11.526.000	Hủy ĐKMH
21	22020103	Vũ Việt Hùng	0	10.894.000			0	10.894.000		10.894.000	Hủy ĐKMH
22	22022129	Vương Hoàng Quý	10.710.000				0	10.710.000		10.710.000	Hủy ĐKMH
23	22025153	Phạm Quang Anh	10.144.000				0	10.144.000		10.144.000	Hủy ĐKMH
24	22022524	Phùng Đình Thuận	9.945.000				0	9.945.000		9.945.000	Hủy ĐKMH
25	23021081	Khuong Minh Chiến	6.808.000	17.000.000			0	23.808.000	14.000.000	9.808.000	Hủy ĐKMH
26	23020226	Đỗ Danh Thái	0	19.772.000			0	19.772.000	10.000.000	9.772.000	Hủy ĐKMH
27	22026538	Nông Xuân Bảo	0	8.976.000			0	8.976.000		8.976.000	Hủy ĐKMH
28	20020452	Phạm Gia Nghĩa	8.358.000				0	8.358.000		8.358.000	Hủy ĐKMH
29	20021279	Nguyễn Xuân Vũ	2.250.000	7.620.000	-1.524.000		0	8.346.000		8.346.000	Hủy ĐKMH
30	20020829	Nguyễn Năng Phúc	7.562.000				0	7.562.000		7.562.000	Hủy ĐKMH
31	20020972	Nguyễn Văn Dũng	5.400.000	1.524.000			0	6.924.000		6.924.000	Hủy ĐKMH
32	20020781	Vũ Minh Đức	6.766.000				0	6.766.000		6.766.000	Hủy ĐKMH
33	20021063	Lê Văn Thương	6.750.000				0	6.750.000		6.750.000	Hủy ĐKMH
34	21021229	Nguyễn Duy Minh Quân	6.698.000				0	6.698.000		6.698.000	Hủy ĐKMH
35	22025130	Lê Tuấn Anh	6.653.000				0	6.653.000		6.653.000	Hủy ĐKMH
36	20020526	Nguyễn Vũ Minh Hiếu	0	6.604.000			0	6.604.000		6.604.000	Hủy ĐKMH
37	21020921	Hoàng Trung Kiên	0	5.080.000	1.524.000		0	6.604.000		6.604.000	Hủy ĐKMH
38	21020778	Dương Bình Minh	0	8.128.000	-1.524.000		0	6.604.000		6.604.000	Hủy ĐKMH

TT	Mã người học	Họ và tên	Nợ các kỳ trước (đ)	Phải thu K1/25-26 (đ)	Điều chỉnh ngày 08/12/2025 (đ)	Điều chỉnh ngày 12/02/2026 (đ)	BHYT (đ)	Tổng phải nộp (đ)	Đã nộp (đ)	Chưa nộp (đ)	Dự kiến/Ghi chú
39	22020138	Vũ Danh Thái	0	6.528.000			0	6.528.000		6.528.000	Hủy ĐKMH
40	20021226	Nguyễn Đức Duy	6.300.000				0	6.300.000		6.300.000	Hủy ĐKMH
41	21021129	Nguyễn Văn Tiến	0	6.096.000			0	6.096.000		6.096.000	Hủy ĐKMH
42	20020965	Nguyễn Xuân Cung	5.850.000				0	5.850.000		5.850.000	Hủy ĐKMH
43	22021226	Quách Việt Anh	0	5.712.000			0	5.712.000		5.712.000	Hủy ĐKMH
44	20021258	Võ Tá Phong	0	5.080.000			0	5.080.000		5.080.000	Hủy ĐKMH
45	21020148	Phan Văn Quyến	0	5.080.000			0	5.080.000		5.080.000	Hủy ĐKMH
46	21021094	Lê Bá Hoàng Hùng	0	5.080.000			0	5.080.000		5.080.000	Hủy ĐKMH
47	21021106	Vũ Đức Mạnh	0	5.080.000			0	5.080.000		5.080.000	Hủy ĐKMH
48	21020816	Bùi Trần Duy Đông	1.900.000	5.080.000			0	6.980.000	1.990.000	4.990.000	Hủy ĐKMH
49	20021225	Phạm Khả Chiến	4.776.000				0	4.776.000		4.776.000	Hủy ĐKMH
50	20021054	Nguyễn Trọng Thái	4.050.000	508.000			0	4.558.000		4.558.000	Hủy ĐKMH
51	21021447	Trần Anh Tú	0	9.652.000			0	9.652.000	6.000.000	3.652.000	Hủy ĐKMH
52	20020342	Trần Văn Tư	0	3.556.000			0	3.556.000		3.556.000	Hủy ĐKMH
53	20020361	Trần Thế Anh	0	3.556.000			0	3.556.000		3.556.000	Hủy ĐKMH
54	22025156	Trần Duy Thuần	0	12.464.000			0	12.464.000	9.000.000	3.464.000	Hủy ĐKMH
55	20020775	Nguyễn Hải Đăng	0	3.048.000			0	3.048.000		3.048.000	Hủy ĐKMH
56	21021662	Đình Quang Dự	0	2.775.000			0	2.775.000		2.775.000	Hủy ĐKMH
57	22025155	Phạm Cao Minh	3.683.000	14.495.000			0	18.178.000	15.700.000	2.478.000	Hủy ĐKMH
58	22027519	Hoàng Việt Anh	0	14.688.000	2.448.000		0	17.136.000	14.688.000	2.448.000	Đề nghị thu bổ sung
59	22027525	Nguyễn Đức Thắng	0	14.688.000	2.448.000		0	17.136.000	14.688.000	2.448.000	Đề nghị thu bổ sung

TT	Mã người học	Họ và tên	Nợ các kỳ trước (đ)	Phải thu K1/25-26 (đ)	Điều chỉnh ngày 08/12/2025 (đ)	Điều chỉnh ngày 12/02/2026 (đ)	BHYT (đ)	Tổng phải nộp (đ)	Đã nộp (đ)	Chưa nộp (đ)	Dự kiến/Ghi chú
60	22027535	Nguyễn Quang Sáng	0	13.872.000	2.448.000		631.800	16.951.800	14.503.800	2.448.000	Đề nghị thu bổ sung
61	22021579	Trần Khoa An	0	9.792.000	0	2.448.000	631.800	12.871.800	10.423.800	2.448.000	Đề nghị thu bổ sung
62	22022559	Bùi Duy Quảng	2.295.000	7.344.000			315.900	9.954.900	7.659.900	2.295.000	Hủy ĐKMH
63	20020976	Vũ Xuân Dương	2.225.000				0	2.225.000		2.225.000	Hủy ĐKMH
64	20020552	Bùi Hồng Quân	0	2.032.000			0	2.032.000		2.032.000	Hủy ĐKMH
65	20020191	Lê Trí Dũng	0	3.556.000	-1.524.000		0	2.032.000		2.032.000	Hủy ĐKMH
66	21021177	Nguyễn Huy Hiền	0	2.032.000			0	2.032.000		2.032.000	Hủy ĐKMH
67	20020508	Tần Minh Xuân	1.890.000				0	1.890.000		1.890.000	Hủy ĐKMH
68	20020486	Phạm Thị Kiều Trang	1.800.000				0	1.800.000		1.800.000	Hủy ĐKMH
69	20020062	Trần Quý Nhất	1.642.000				0	1.642.000		1.642.000	Hủy ĐKMH
70	22022595	Nguyễn Văn Hải	1.530.000				0	1.530.000		1.530.000	Hủy ĐKMH
71	20021237	Lê Hữu Huy	0	1.524.000			0	1.524.000		1.524.000	Hủy ĐKMH
72	20020534	Lê Duy Khánh	1.350.000				0	1.350.000		1.350.000	Hủy ĐKMH
73	20020563	Nguyễn Bá Trung	1.350.000				0	1.350.000		1.350.000	Hủy ĐKMH
74	21020316	Nguyễn Thị Hiền	1.350.000				0	1.350.000		1.350.000	Hủy ĐKMH
ĐHCQ CÁC CTĐT CLC THEO TT23											
1	22028012	Đỗ Trung Kiên	17.500.000	17.500.000			0	35.000.000		35.000.000	Hủy ĐKMH
2	21021468	Nguyễn Khánh Duy	27.100.000				0	27.100.000		27.100.000	Hủy ĐKMH
3	21021517	Hoàng Tuấn Minh	0	25.500.000			0	25.500.000		25.500.000	Hủy ĐKMH
4	22028018	Nguyễn Việt Hùng	0	20.700.000			0	20.700.000		20.700.000	Hủy ĐKMH
5	20021152	Đào Nguyễn Hải Linh	17.500.000				0	17.500.000		17.500.000	Hủy ĐKMH

TT	Mã người học	Họ và tên	Nợ các kỳ trước (đ)	Phải thu K1/25-26 (đ)	Điều chỉnh ngày 08/12/2025 (đ)	Điều chỉnh ngày 12/02/2026 (đ)	BHYT (đ)	Tổng phải nộp (đ)	Đã nộp (đ)	Chưa nộp (đ)	Dự kiến/Ghi chú
6	21021516	Nguyễn Công Mạnh	0	17.500.000			0	17.500.000		17.500.000	Hủy ĐKMH
7	20020075	Dương Đình Ngọc Bách	13.600.000				0	13.600.000		13.600.000	Hủy ĐKMH
8	20021174	Bùi Tá Phong	3.000.000	7.200.000			0	10.200.000		10.200.000	Hủy ĐKMH
9	20021555	Nguyễn Như Minh	0	8.000.000			0	8.000.000		8.000.000	Hủy ĐKMH
10	21021627	Hồ Duy Phương	0	4.800.000			0	4.800.000		4.800.000	Hủy ĐKMH
11	21021486	Vũ Trường Giang	2.400.000	2.400.000			0	4.800.000		4.800.000	Hủy ĐKMH
12	20021116	Đặng Tiến Đông	3.200.000				0	3.200.000		3.200.000	Hủy ĐKMH
CÁC CTĐT SAU ĐẠI HỌC											
1	23025074	Phùng Đại Khánh	16.500.000	17.500.000				34.000.000		34.000.000	Hủy ĐKMH
2	23025120	Vũ Ngọc Hoàng Hiếu	16.500.000	17.500.000				34.000.000		34.000.000	Hủy ĐKMH
3	22025024	Lê Anh Tuấn	18.003.000	3.432.000				21.435.000		21.435.000	Hủy ĐKMH
4	24025197	Trần Quang Minh	0	17.500.000	3.432.000			20.932.000		20.932.000	Hủy ĐKMH
5	23025068	Phạm Huy Hoàng	0	17.500.000				17.500.000		17.500.000	Hủy ĐKMH
6	23025084	Võ Đức Quân	0	17.500.000				17.500.000		17.500.000	Hủy ĐKMH
7	23025087	Trần Văn Tâm	0	17.500.000				17.500.000		17.500.000	Hủy ĐKMH
8	23025103	Nguyễn Hùng Duy	0	17.500.000				17.500.000		17.500.000	Hủy ĐKMH
9	23025105	Nguyễn Quang Huy	0	17.500.000				17.500.000		17.500.000	Hủy ĐKMH
10	23025122	Vũ Ngọc ánh	0	17.500.000				17.500.000		17.500.000	Hủy ĐKMH
11	23025133	Bùi Trọng Sang	0	17.500.000				17.500.000		17.500.000	Hủy ĐKMH
12	24025007	Phan Quốc Huy	0	17.500.000				17.500.000		17.500.000	Hủy ĐKMH
13	24025023	Nguyễn Việt Hùng	0	17.500.000				17.500.000		17.500.000	Hủy ĐKMH
14	24025032	Đinh Quang Vũ	0	17.500.000				17.500.000		17.500.000	Hủy ĐKMH

TT	Mã người học	Họ và tên	Nợ các kỳ trước (đ)	Phải thu K1/25-26 (đ)	Điều chỉnh ngày 08/12/2025 (đ)	Điều chỉnh ngày 12/02/2026 (đ)	BHYT (đ)	Tổng phải nộp (đ)	Đã nộp (đ)	Chưa nộp (đ)	Dự kiến/Ghi chú
15	24025115	Phạm Văn Bảo	0	17.500.000				17.500.000		17.500.000	Hủy ĐKMH
16	24025120	Nguyễn Tiên Đạt	0	17.500.000				17.500.000		17.500.000	Hủy ĐKMH
17	24025127	Nguyễn Minh Đức	0	17.500.000				17.500.000		17.500.000	Hủy ĐKMH
18	24025146	Trần Đồng Nam	0	17.500.000				17.500.000		17.500.000	Hủy ĐKMH
19	24025156	Nguyễn Thế Tiến	0	17.500.000				17.500.000		17.500.000	Hủy ĐKMH
20	24025157	Vũ Thuý Trang	0	17.500.000				17.500.000		17.500.000	Hủy ĐKMH
21	24025163	Nguyễn Thành Vinh	0	17.500.000				17.500.000		17.500.000	Hủy ĐKMH
22	24025165	Vũ Đức Anh	0	17.500.000				17.500.000		17.500.000	Hủy ĐKMH
23	24025185	Phan Mạnh Hoàng	0	17.500.000				17.500.000		17.500.000	Hủy ĐKMH
24	24025214	Cao Văn Vĩ	0	17.500.000				17.500.000		17.500.000	Hủy ĐKMH
25	24025233	Vũ Trọng Tấn	0	17.500.000				17.500.000		17.500.000	Hủy ĐKMH
26	22025034	Đoàn Văn Huy	16.500.000	0				16.500.000		16.500.000	Hủy ĐKMH
27	22025046	Nguyễn Tiến Dũng	16.500.000	0				16.500.000		16.500.000	Hủy ĐKMH
28	21025075	Nguyễn Mạnh Hùng	10.875.000	0				10.875.000		10.875.000	Hủy ĐKMH
29	21025089	Đỗ Duy Thanh	10.875.000	0				10.875.000		10.875.000	Hủy ĐKMH
30	24025213	Nguyễn Việt Tuấn	0	17.500.000				17.500.000	7.000.000	10.500.000	Hủy ĐKMH
31	23025052	Nguyễn An Bằng	0	17.500.000	10.296.000			27.796.000	17.500.000	10.296.000	Đề nghị thu bổ sung
32	22025002	Nguyễn Văn Dương	3.228.000	0	3.432.000			6.660.000		6.660.000	Hủy ĐKMH
33	24025108	Nguyễn Thái An	0	17.500.000				17.500.000	12.000.000	5.500.000	Hủy ĐKMH
34	21025082	Nguyễn Hoàng Long	0	5.190.000				5.190.000		5.190.000	Hủy ĐKMH

TT	Mã người học	Họ và tên	Nợ các kỳ trước (đ)	Phải thu K1/25-26 (đ)	Điều chỉnh ngày 08/12/2025 (đ)	Điều chỉnh ngày 12/02/2026 (đ)	BHYT (đ)	Tổng phải nộp (đ)	Đã nộp (đ)	Chưa nộp (đ)	Dự kiến/Ghi chú
35	22025004	Lê Đức Kiên	0	3.432.000				3.432.000		3.432.000	Hủy ĐKMH
36	22025005	Bùi Minh Thảo	0	3.432.000				3.432.000		3.432.000	Hủy ĐKMH
37	23025049	Nguyễn Hải Anh	0	17.500.000	3.432.000			20.932.000	17.500.000	3.432.000	Đề nghị thu bổ sung
38	23025123	Lê Công Hiếu	0	17.500.000	3.432.000			20.932.000	17.500.000	3.432.000	Đề nghị thu bổ sung
39	23025125	Phạm Doãn Luận	0	17.500.000	3.432.000			20.932.000	17.500.000	3.432.000	Đề nghị thu bổ sung
40	24025074	Nguyễn Huy Việt	0	17.500.000	3.432.000			20.932.000	17.500.000	3.432.000	Đề nghị thu bổ sung
41	24025131	Bùi Trọng Hiếu	0	17.500.000	3.432.000			20.932.000	17.500.000	3.432.000	Đề nghị thu bổ sung
42	24025207	Chu Thanh Toàn	0	17.500.000	3.432.000			20.932.000	17.500.000	3.432.000	Đề nghị thu bổ sung
43	24025219	Nguyễn Trọng Hiệp	0	17.500.000	3.432.000			20.932.000	17.500.000	3.432.000	Đề nghị thu bổ sung
44	24025248	Lưu Minh An	0	17.500.000	3.432.000			20.932.000	17.500.000	3.432.000	Đề nghị thu bổ sung
45	24025249	Nguyễn Tuấn Đạt	0	17.500.000	3.432.000			20.932.000	17.500.000	3.432.000	Đề nghị thu bổ sung
46	24025251	Nguyễn Thạch Hưng	0	17.500.000	3.432.000			20.932.000	17.500.000	3.432.000	Đề nghị thu bổ sung
47	21025063	Nguyễn Trọng Lâm	2.301.000	0				2.301.000		2.301.000	Hủy ĐKMH
48	22027009	Vũ Minh Trung	20.000.000	21.000.000				41.000.000	20.000.000	21.000.000	Cấm báo cáo tiến độ